|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: TRUNG HỌC CƠ SỞ SƠN ĐÀ**  **TỔ: KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN TOÁN, KHỐI LỚP 6**

(Năm học 2023 - 2024)

(T*heo Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Bộ GDĐT*)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 4 lớp 6 **; Số học sinh: 159**

**2. Tình hình đội ngũ:**

**Số giáo viên:** 2 giáo viên; **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0 giáo viên Đại học: 2 giáo viên ; Trên đại học: 0 giáo viên.

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên:** Tốt: 2 giáo viên; Khá: 0 giáo viên; Đạt 0 giáo viên:; Chưa đạt: 0 giáo viên

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Thiết bị dạy học | Số lượng | Các bài thí nghiệm/thực hành | Ghi chú |
| 1 | Máy tính, máy chiếu, bảng tương tác | 02 bộ | Dùng cho các tiết dậy có ứng dụng CNTT |  |
| 2 | Thước kẻ, Eke, compa của giáo viên | 02 bộ | Dụng cụ vẽ hình dùng cho các tiết hình học |  |
| 3 |  |  |  |  |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập***(Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên phòng | Số lượng | Phạm vi và nội dung sử dụng | Ghi chú |
| 1 | Phòng máy tính, máy chiếu | 02 | Thực hành phần mềm GEOGEBRA, sử dụng ứng dụng CNTT |  |
| 2 | Phòng máy chiếu | 02 | Hoạt động thực hành và trải nghiệm:  Sắp xếp vị trí các điểm thẳng hàng (quan sát hiện tượng nhật thực nguyệt thực trên phần mềm dậy vật lý Crocodile Physics 605 ) |  |
| 3 | Sân trường | 02 | Hoạt động thực hành và trải nghiệm:  Sắp xếp vị trí các điểm thẳng hàng |  |

**II. Kế hoạch dạy học**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phân bố các tiết dậy: Số tiết 140 tiết ( 35 tuần, mỗi tuân 4 tiết)** | | | | |
|  | Số | Hình | Trải nghiệm thực hành (9 tiết) | Tổng |
| **HỌC KÌ I** | 51 | 18 | Chủ đề 1.Sau thi học kì I. 3 tiết | 72 |
| **HỌC KÌ II** | 42 | 20 | Chủ đề 2. Sau thi học kì II. 3 tiết  Chủ đề 3. Sau thi học kì II. 3 tiết | 68 |

**Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **HỌC KÌ I** | | | |
| **CHƯƠNG I. SỐ TỰ NHIÊN** | | | |
| §1 | Tập hợp | 2 | * Hiểu được các khái niệm: tập hợp, phần tử của tập hợp. * Biết cách kí hiệu và viết một tập hợp, biết sử dụng các kí hiệu * Biết cách viết một tập hợp theo hai cách: liệt kê các phần tử hoặc chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp đó. |
|
| §2 | Tập hợp các số tự nhiên | 3 | * Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. * Nhận biết các qui ước về thứ tự trong tập hợp số tự nhiên. * Vận dụng bài học để biểu diễn một số tự nhiên trên tia số, biết được điểm biểu diễn số nhỏ hơn ở bên trái điểm biểu diễn số lớn hơn trên tia số. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số tự nhiên. |
|
|
| §3 | Phép cộng và phép trừ số tự nhiên | 2 | * Củng cố cho HS về phép cộng, phép trừ và các tính chất của phép cộng các số tự nhiên. * Vận dụng các tính chất trên vào các bài tập tính nhẩm, tính nhanh, tìm . * HS biết vận dụng hợp lý các tính chất của phép cộng vào giải toán. Biết sử dụng máy tính bỏ túi. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép cộng, trừ các số tự nhiên. |
|
| §4 | Phép nhân và phép chia số tự nhiên | 2 | * Thực hiện được phép tính nhân trong tập hợp số tự nhiên. * Biết các tính chất giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, phân phối của phép nhân đối với phép cộng và phép trừ. * Vận dụng được tính chất của phép nhân để tính giá trị biểu thức một cách hợp lí. * Sử dụng kiến thức đã học để giải quyết một số tình huống nảy sinh từ thực tiễn, gắn với thực hiện các phép tính. |
|
| §5 | Lũy thừa với số mũ tự nhiên | 3 | * Học sinh hiểu được định nghĩa luỹ thừa, phân biệt được cơ số và số mũ. Nhớ được công thức nhân hai luỹ thừa cùng cơ số. * Học sinh biết viết gọn một tích nhiều thừa số bằng nhau bằng cách dùng luỹ thừa, biết tính giá trị của các luỹ thừa, biết nhân, chia hai luỹ thừa cùng cơ số. |
|
|
| §6 | Thứ tự thực hiện phép tính | 2 | * Nhắc lại khái niệm về biểu thức đã học ở tiểu học. HS nắm được quy ước về thứ tự thực hiện các phép tính. * Ôn tập cho HS về thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức không chứa dấu ngoặc và thứ tự thực hiện các phép tính trong biểu thức chứa dấu ngoặc. * Hs biết vận dụng quy ước trên để tính đúng giá trị của biểu thức. |
|
| §7 | Quan hệ chia hết. tính chất chia hết | 4 | * HS nắm được các khái niệm chia hết, chia có dư, ước bội. * HS biết cách tìm ước và bội của một số * HS hiểu được tính chất chia hết của một tổng (hiệu, tích). * HS vận dụng được các kiến thức về tính chất quan hệ chia hết và tính chất chia hết vào giải các bài tập theo các cấp độ. |
|
| §8 | Dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 | 1 | * HS nắm vững dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5. * HS biết vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 để giải bài tập. * HS biết vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 2, cho 5 giải quyết được bài toán thực tiễn. |
| §9 | Dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 | 1 | * HS nắm vững dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 và hiểu được cơ sở lý luận của các dấu hiệu đó. * HS biết vận dụng các dấu hiệu chia hết cho 3, cho 9 để nhanh chóng nhận ra một số, một tổng, một hiệu có hay không chia hết cho 3, cho 9. |
| §10 | Số nguyên tố, hợp số | 2 | * Hiểu được thế nào là số nguyên tố, thế nào là hợp số * Nhận biết được số nào là số nguyên tố, số nào là hợp số, biết cách kiểm tra một số là số nguyên tố hay hợp số. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với số nguyên tố và hợp số. |
|
| §11 | Phân tích 1 số ra thừa số nguyên tố | 2 | * HS biết cách tìm các ước nguyên tố của một số. * Biết phân tích một số ra thừa số nguyên tố theo hai cách; viết gọn dưới dạng lũy thừa. |
|
|  | Ôn tập giữa học kì I | 2 | * Ôn luyện về các phép tính tập hợp số tự nhiên như cộng trừ, nhân, chia, lũy thừa. * Ôn luyện về tính chất chia hết và dấu hiệu chia hết, số nguyên tố và hợp số. * Vận dụng kiến thức, kĩ năng có được vào làm các bài tập liên quan đến các phép tính trên tập hợp số tự nhiên, tính chất chia hết và dấu hiệu chia hết, các bài tập về số nguyên tố và hợp số. |
|
|  | **Kiểm tra giữa kì I** | 1 | * Vận dụng kiến thức, kĩ năng để làm các bài tập liên quan đến các phép tính trên tập hợp số tự nhiên, tính chất chia hết và dấu hiệu chia hết, các bài tập về số nguyên tố và hợp số. * Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.   Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. |
|  | **Trả bài kiểm tra giữa học kỳ I** | 1 | * GV đánh giá, nhận xét bài làm của học sinh. * HS biết và hiểu được các lỗi sai của mình, sửa chữa, bổ sung những thiếu sót (nếu có) của mình. Từ đó đưa ra định hướng trong các bài học tiếp theo. |
| §12 | Ước chung. Ước chung lớn nhất | 3 | * HS nêu được khái niệm ƯC, ƯCLN của hai hay nhiều số, hai số nguyên tố cùng nhau, ba số nguyên tố cùng nhau. * HS tìm được ƯCLN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố và biết tìm ƯCLN một cách hợp lí trong từng trường hợp cụ thể, biết tìm ƯCLN trong các bài toán thực tế. |
|
|
| §13 | Bội chung. Bội chung nhỏ nhất | 3 | * Hiểu được các khái niệm BC, BCNN. Nhận biết được BC, BCNN của 2 hay nhiều số. * Tìm được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số. * Tìm được tập hợp các bội chung của hai hay ba số thông qua tìm bội chung nhỏ nhất. * Vận dụng được khái niệm và cách tìm BCNN của hai hay ba số trong quy đồng mẫu các phân số và giải quyết một số vấn đề thực tiễn. |
|
|
|  | Ôn tập chương I | 2 | * Ôn tập hệ thống các kiến thức đã học về tập hợp tập hợp số tự nhiên, trong đó có quan hệ chia hết, số nguyên tố và hợp số, ước chung, ước chung lớn nhất, bội chung, bội chung nhỏ nhất và cách tìm chúng. * HS vận dụng được các khái niệm trên để giải các bài tập cuối chương. |
|
| CHƯƠNG II: SỐ NGUYÊN | | | |
| §1 | Số nguyên âm | 1 | * Nhận biết, đọc và viết số nguyên âm * Biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình huống thực tế. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc sử dụng số nguyên âm. |
| §2 | Tập hợp các số nguyên | 3 | * HS nhận biết được tập hợp các số nguyên. * Biểu diễn được số nguyên trên trục số. * Nhận biết được số đối của một số nguyên. * Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số nguyên. So sánh được hai số nguyên cho trước.   Nhận biết được ý nghĩa của số nguyên âm trong một số bài toán thực tế. |
|
|
| §3 | Phép cộng các số nguyên | 3 | * Thực hiện được phép cộng hai số nguyên ( cùng dấu, khác dấu) * Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí   Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hai số nguyên. |
|
| §4 | Phép trừ các số nguyên. Quy tắc dấu ngoặc | 2 | * Hiểu phép trừ số nguyên. Biết tính đúng hiệu của hai số nguyên. Bước đầu hình thành dự đoán trên cở sở nhìn thấy quy luật thay đổi của một loạt hiện tượng (toán học) liên tiếp và phép tương tự. * Hiểu quy tắc dấu ngoặc. Biết vận dụng quy tắc dấu ngoặc. |
|
| §5 | Phép nhân các số nguyên | 2 | * Học sinh nắm được quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu bằng cách: Tương tự như phép nhân hai số tự nhiên, thay phép nhân bằng phép cộng các số hạng bằng nhau. * Vận dụng thành thạo quy tắc nhân hai số nguyên (cùng dấu và khác dấu). * Tính đúng tích hai số nguyên.Tìm được một số nguyên khi biết tích của nó với một số nguyên khác. * Vận dụng được các tính chất cơ bản của phép nhân: giao hoán, kết hợp, nhân với 1, phân phối của phép nhân đối với phép cộng. Biết tìm dấu của tích nhiều số nguyên***.*** |
|
| §6 | Phép chia hết 2 số nguyên. Quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên | 2 | * Nhận biết được phép chia hết hai số nguyên khác dấu; cùng dấu; dấu của phép chia * Nhận biết mối quan hệ chia hết trong tập hợp số nguyên. |
|
|  | Ôn chương II | 2 | * Ôn tập các kiến thức đã học về tập hợp tập hợp số tự nhiên, trong đó có quan hệ chia hết, số nguyên tố và hợp số, ước chung, ước chung lớn nhất, bội chung, bội chung nhỏ nhất và cách tìm chúng. * Ôn tập các kiến thức về tập hợp số nguyên và các phép tính cộng, trừ, nhân, chia số nguyên; tính chất chia hết trong tập hợp số nguyên. * Vận dụng các kiến thức đã học để giải các bài tập. |
|
|  | **Kiểm tra học kỳ I** | 1 | * Vận dụng kiến thức, kĩ năng để làm các bài tập liên quan đến các phép tính trên tập hợp số tự nhiên, tính chất chia hết và dấu hiệu chia hết, các bài tập về số nguyên tố và hợp số. * Vận dụng kiến thức, kĩ năng để làm các bài tập liên quan đến các phép tính trên tập hợp số nguyên, tính chất chia hết trong tập hợp các số nguyên. * Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh. * Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên |
|  | **Trả bài kiểm tra học kỳ I** | 1 | * GV đánh giá, nhận xét bài làm của học sinh. * HS biết và hiểu được các lỗi sai của mình, sửa chữa, bổ sung những thiếu sót (nếu có) của mình. Từ đó đưa ra định hướng trong các bài học tiếp theo. |
|  | HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM  Chủ đề 1. Đầu tư kinh doanh | 3 | * Học sinh biết và hiểu được khái niệm: Tài chính, kinh doanh, thị trường, các cách để tăng lợi nhuận. * Học sinh vận dụng được các kiến thức trong việc đầu tư tài chính vào đầu tư tài chính cụ thể, đối tượng hướng tới, thị trường, hạch toán doanh thu, lợi nhuận. |
|
|
| CHƯƠNG III: HÌNH HỌC TRỰC QUAN | | | |
| §1 | Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều. | 3 | * HS hiểu được khái niệm tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. * HS nhận biết được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều trong thục tế. * HS biết được tính chất về cạnh, về góc của tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. biết được tính chất về đường chéo của hình vuông và lục giác đều. * HS vận dụng được các tính chất của các hình trong thục tế. |
|
|
| §2 | Hình chữ nhật. Hình thoi | 2 | * Nhận biết được hình chữ nhật, đặc điểm về hai cạnh đối, đường chéo và góc của hình chữ nhật. * Vẽ được hình chữ nhật bằng ê ke khi biết độ dài hai cạnh. * Viết được các công thức tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật theo độ dài hai cạnh. * Nhận biết được hình thoi, đặc điểm về cạnh và đường chéo của hình thoi. * Vẽ được hình thoi biết độ dài cạnh và một đường chéo bằng thước thẳng và compa. * Viết được các công thức tính chu vi, diện tích của hình thoi theo độ dài cạnh và hai đường chéo. * Vận dụng được các công thức tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn. |
|
| §3 | Hình bình hành | 2 | * Nhận biết được hình bình hành, đặc điểm về hai cạnh đối, góc đối của hình hình bình hành. * Vẽ được hình bình hành bằng thước và compa. * Viết được các công thức tính chu vi, diện tích của hình bình hành. * Vận dụng được các công thức tính chu vi, diện tích của hình bình hành để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn. |
|
|  | Ôn tập giữa học kì I | 1 | * HS nhận biết được các hình đã học qua hình vẽ cụ thể và các hình xuất hiện trong thực tế. * HS biết vẽ các hình đã học bằng các dụng cụ học tập. * Vận dụng được các công thức tính chu vi, diện tích của các hình đã học để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn. |
|  | **Kiểm tra giữa kì I** | 1 | Vận dụng kiến thức, kĩ năng để làm các bài tập liên quan   * Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.   Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên |
| §4 | Hình thang cân | 2 | * Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình thang cân. * Vẽ được hình thang cân bằng các dụng cụ học tập. * Giải quyết được một sổ vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của hình thang cân (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng hình thang cân, ...). |
|
| §5 | Hình có trục đối xứng | 1 | * Nhận biết được trục đối xứng của một hình phẳng. * Nhận biết được những hình phẳng trong tự nhiên có trục đôi xứng (khi quan sát trên hình ảnh hai chiều). |
| §6 | Hình có tâm đối xứng | 1 | * Nhận biết được tâm đối xứng của một hình phẳng. * Nhận biết được những hình phẳng trong thế giới tự nhiên có tâm đối xứng (khi quan sát trên hình ảnh hai chiều). |
| §7 | Đối xứng trong thực tiễn | 1 | * Nhận biết được tính đối xứng trong toán học, tự nhiên, nghệ thuật, kiến trúc, công nghệ chế tạo, ... * Nhận biết được vẻ đẹp của thể giới tự nhiên biểu hiện qua tính đối xứng (ví dụ: nhận biết vẻ đẹp của một số loài thực vật, động vật trong tự nhiên có tâm đối xứng hoặc có trục đối xứng). |
|  | Ôn chương III | 2 | * HS nhận biết được các hình đã học qua hình vẽ cụ thể và các hình xuất hiện trong thực tế. Ngoài ra HS cần nhận biết được các hình có trục đối xứng, các hình có tâm đối xứng trong thực tiễn. * HS biết vẽ các hình đã học bằng các dụng cụ học tập. * Vận dụng được các công thức tính chu vi, diện tích của các hình đã học để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn. |
|
|  | **Kiểm tra học kỳ I** | 1 | * HS biết vẽ các hình đã học bằng các dụng cụ học tập. * HS nhận biết được hình dạng của các hình đã học xuất hiện trong thực tế. * Vận dụng được các công thức tính chu vi, diện tích của các hình đã học để giải bài tập có nội dung gắn với thực tiễn. * Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh. * Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên. |
|  | **Thư viện:** | 1 | Tự đọc sách- Khơi dậy và bồi dưỡng tình yêu sách |
| HỌC KÌ II | | | |
| **Chương IV: MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT** | | | |
| §1 | Thu thập, tổ chức, biểu diễn, phân tích và xử lý dữ liệu | 3 | * HS phân tích, so sánh được các dữ liệu từ biểu đồ. * HS nhận xét, đánh giá được các dữ liệu của biểu đồ. * HS đưa ra được các đề xuất, ý tưởng mới từ các dữ liệu của biểu đồ. * HS nêu được cách lập bảng số liệu, biểu đồ tranh, biểu đồ cột từ dữ liệu thu thập được. * HS nêu được mỗi quan hệ giữa các cách biểu diễn dữ liệu. * HS biết cách thu thập một số dữ liệu đơn giản như quan sát, lập phiếu hỏi…. * HS thực hiện được việc phân loại nhận xét theo các tiêu chí cho trước từ bảng biểu. * HS nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. * HS nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê. |
|
|
| §2 | Biểu đồ cột kép | 2 | * Học sinh hiểu được biểu đồ kép biểu diễn đồng thời các đối tượng thống kê trên cùng một biểu đồ cột * Học sinh hiểu được biểu đồ kép gồm có đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê, số liệu thống kê, quy định phân biệt cột (gạch gạch, tô màu) đối với mỗi đối tượng. Tự lấy được ví dụ về biểu đồ kép. * Học sinh đọc được các dữ liệu có trong biểu đồ kép. * Học sinh hiểu được biểu đồ kép biểu diễn đồng thời các đối tượng thống kê trên cùng một biểu đồ cột * Học sinh hiểu được biểu đồ kép gồm có đối tượng thống kê, tiêu chí thống kê, số liệu thống kê, quy định phân biệt cột (gạch gạch, tô màu) đối với mỗi đối tượng. Tự lấy được ví dụ về biểu đồ kép.   Học sinh đọc được các dữ liệu có trong biểu đồ kép. |
| §3 | Mô hình xác suất trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản | 2 | * Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi. * Nhận biết một sự kiện trong trò chơi chắc chắn, không thể và có thể xảy ra. * Nhận biết tính không đoán trước về kết quả của một số trò chơi. * Nhận biết một sự kiện trong trò chơi chắc chắn, không thể và có thể xảy ra. * Củng cố kiến thức về các trò chơi và thí nghiệm đơn giản. |
|
| §4 | Xác suất thực nghiệm trong một số trò chơi và thí nghiệm đơn giản | 2 | * Hiểu được công thức tính xác suất theo thực nghiệm trong các trò chơi tung đồng xu, gieo xúc xắc.   Hiểu được công thức tính xác suất theo thực nghiệm trong trò chơi lấy vật từ trong hộp. |
|
|  | Ôn tập chương IV | 3 | * HS được củng cố lại cách thu thập một số dữ liệu đơn giản như quan sát, lập phiếu hỏi, … * HS thực hiện được việc phân loại nhận xét theo các tiêu chí cho trước từ bảng biểu. * HS chỉ ra được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. * HS nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê, biểu đồ cột, biểu đồ tranh. |
|
|
| CHƯƠNG V: PHÂN SỐ VÀ SỐ THẬP PHÂN | | | |
| §1 | Phân số với tử và mẫu là số nguyên | 3 | * Hình thành khái niệm phân số. * Biết được khái niệm về phân số với tử và mẫu số là các số nguyên, biết được thế nào là hai phân số bằng nhau   Nắm vững tính chất cơ bản của phân số |
|
|
| §2 | So sánh các phân số. Hỗn số dương | 2 | * Biết quy tắc so sánh các phân số không cùng mẫu. * Biết hỗn số dương và hiểu cách viết một phân số dưới dạng một hỗn số dương. * Củng cố và ôn tập các kiến thức về so sánh các phân số, cách viết một phân số dưới dạng một hỗn số dương và ngược lại. |
|
| §3 | Phép cộng, phép trừ phân số | 3 | * Khắc sâu kiến thức về quy tắc cộng, trừ phân số. * HS hiểu được mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ phân số. * Hiểu và vận dụng được quy tắc cộng, trừ phân số vào các bài tập. |
|
|
| §4 | Phép nhân, phép chia phân số | 3 | * Hình thành quy tắc nhân, chia hai phân số thông qua bài toán thực tế. * Làm quen với việc áp dụng quy tắc nhân, chia hai phân số để giải các bài toán có liên quan. * HS biết nhân, chia hai phân số theo đúng quy tắc. |
|
|
|  | Ôn tập giữa học kì II | 1 | * HS khả năng nhận thức và phân tích các thông tin được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, hiểu bản chất xác suất của nhiều sự phụ thuộc trong thực tế, hình thành sự hiểu biết về vai trò của thống kê như là một nguồn thông tin quan trọng về mặt xã hội, biết áp dụng tư duy thông kê đê phân tích dữ liệu. * HS ôn lại kiến thức về phân số với tử và mẫu là số nguyên và các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số.   HS biết vận dụng các kiến thức đã học để giải các bài tập có liên quan. |
|
|  | **Kiểm tra giữa kì II** | 1 | * HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng để trả lời các câu hỏi và bài tập về một số yếu tố thống kê và xác suất. * HS vận dụng các kiến thức, kĩ năng để trả lời các câu hỏi và bài tập về phân số và các phép tính cộng, trừ, nhân, chia phân số. * Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán về điểm, đường thẳng, tia và ứng dụng vào thực tiễn |
| §5 | Số thập phân | 2 | * Học sinh hiểu được khái niệm về phân số thập phân, số thập phân . * HS biết cách so sánh các số thập phân. * Sử dụng số thập phân xử lí các số liệu trong các ví dụ thực tế. |
|
| §6 | Phép cộng, phép trừ số thập phân | 2 | * Nhận biết được số đối của một số thập phân. * Thực hiện được các phép tính cộng trừ với số thập phân. * Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với phép tính về số thập phân. |
|
|  |
| §7 | Phép nhân, phép chia số thập phân | 2 | * Hình thành những mô hình thực tế dẫn đến phép nhân hai số thập phân. * Trình bày được quy tắc nhân hai số thập phân. * Thực hiện được phép nhân hai số thập phân. |
|
|  |
| §8 | Ước lượng và làm tròn số | 2 | * Hình thành những mô hình thực tế dẫn đến quy ước làm tròn số. * Biết ý nghĩa của việc làm tròn số trong thực tiễn. * HS vận dụng thành thạo các quy ước làm tròn số. * HS có ý thức vận dụng các quy ước làm tròn số trong cuộc sống hàng ngày. |
|
| §9 | Tỉ số. Tỉ số phần trăm | 2 | * HS biết được tỉ số của hai số cho trước, tỉ số của hai đại lượng cùng loại và cùng một đơn vị đo. * HS biết được tỉ số phần trăm của hai số cho trước, tỉ số phần trăm của hai đại lượng cùng loại và cùng một đơn vị đo. * Hiểu được ý nghĩa của tỉ số phần trăm trong thực tiễn. * Học sinh nhận biết và hiểu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước. * HS nhận biết và hiểu quy tắc tìm một số biết giá trị một phân số của nó. * Học sinh nhận biết và hiểu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước. * HS nhận biết và hiểu quy tắc tìm một số biết giá trị một phân số của nó. |
|
| §10 | Hai bài toán về phân số | 2 | * HS nhớ lại và củng cố các phép toán với phân số và số thập phân. * HS vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các bài toán có yếu tố thực tế. * HS hiểu được kiến thức về các phép toán với số thập phân, ước lượng, làm tròn số. * HS giải quyết các bài toán trong thực tế như bài toán tăng giảm giá sản phẩm. |
|
|  | Ôn tập Chương V | 2 | * Hệ thống các kiến thức đã học về một số yếu tố thống kê và xác suất, về phân số, về số thập phân, tỉ số phần trăm.   Vận dụng các kiến thức đã học và các kĩ năng để giải bài tập và ứng dụng vào các tình huống thực tiễn. |
|
|  | Ôn tập cuối học kì II | 1 | * Vận dụng kiến thức và kĩ năng để trả lời câu hỏi và làm các bài tập về một số yếu tố thống kê và xác suất, các bài tập về phân số và số thập phân. * Vận dụng các kiến thức đã học về về tia, góc và các kiến thức liên quan   để giải các bài tập hình học và các bài toán thực tế. |
|
|  | **Kiểm tra học kỳ II** | 1 | * GV đánh giá, nhận xét bài làm của học sinh. * HS bổ sung những thiếu sót (nếu có) của mình. Từ đó đưa ra định hướng trong các bài học trong các năm học tiếp theo. |
|  | **Trả bài kiểm tra học kỳ II** | 1 | * GV đánh giá, nhận xét bài làm của học sinh.   HS bổ sung những thiếu sót (nếu có) của mình. Từ đó đưa ra định hướng trong các bài học trong các năm học tiếp theo. |
|  | HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM  Chủ đề 2. Chỉ số khối cơ thể (BMI) | 3 | * HS nắm được công thức tính chỉ số khối cơ thể BMI để tính BMI cho riêng mình, cho bạn bè và cho người thân.   Thông qua chỉ số BMI, ta có thể biết chính xác một người đang mắc bệnh béo phì, thừa cân hay suy dinh dưỡng. Từ đó, có các biện pháp tập thể dục, thể thao, thay đổi chế độ dinh dưỡng để có được cơ thể khỏe mạnh. |
|
|
|  | HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM  Chủ đề 3. Sắp xếp thành các vị trí thẳng hàng | 3 | –Nhận biết được một số hình ảnh về sắp xếp thẳng hàng trong thực tiễn cuộc sống;  –Nêu được một số hình ảnh về sắp xếp thẳng hàng;  –Nhận biết được ý nghĩa về sắp xếp thẳng hàng như: giải thích một số hiện tượng trong khoa học; Nghệ thuật, Kiến trúc; đảm bảo tính công bằng trong cuộc sống; |
|
|
| CHƯƠNG VI: HÌNH HỌC PHẲNG | | | |
| §1 | Điểm và đường thẳng | 3 | * Học sinh hiểu điểm là gì? Đường thẳng là gì? * Học sinh hiểu quan hệ điểm thuộc đường thẳng (không thuộc) đường thẳng * Học sinh củng cố lại kiến thức điểm là gì? Đường thẳng là gì? Mối quan hệ điểm thuộc đường thẳng (không thuộc) đường thẳng. * Học sinh củng cố lại kiến thức ba điểm thẳng hàng, không thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm còn lại. * Học sinh hiểu có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm . * Học sinh hiểu ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng..   Học sinh hiểu điểm nằm giữa hai điểm còn lại. Trong ba điểm thẳng hàng có một và chỉ một nằm giữa hai điểm còn lại. |
|
|
| §2 | Hai đường thẳng cắt nhau. Hai đường thẳng song song | 2 | * HS biết được hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau. * HS biết viết kí hiệu hai đường thẳng song song. * HS biết vẽ hình hai đường thẳng song song, hai đường thẳng cắt nhau. * HS viết được ký hiệu hai đường thẳng song song.   Nêu tên được giao điểm của hai đường thẳng cắt nhau. |
|
| §3 | Đoạn thẳng. | 3 | * Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, biết cách gọi tên đoạn thẳng. * Nhận biết và kí hiệu được hai đoạn thẳng bằng nhau. * Biết cách đo độ dài đoạn thẳng. * Biết so sánh các đoạn thẳng.   Nhận biết được khái niệm trung điểm của đoạn thẳng. |
|
|  | Ôn tập giữa học kì II | 1 | * Hệ thống được những kiến thức đã học về điểm, đường thẳng, đoạn thẳng.   Vận dụng các kiến thức đã học để giải quyết các bài toán và ứng dụng vào thực tiễn. |
|  | **Kiểm tra giữa kì II** | 1 | Vận dụng kiến thức, kĩ năng để làm các bài tập liên quan   * Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.   Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên |
|  | **Trả bài kiểm tra giữa kì II** | 1 | * GV đánh giá, nhận xét bài làm của học sinh.   HS biết và hiểu được các lỗi sai của mình, sửa chữa, bổ sung những thiếu sót (nếu có) của mình. Từ đó đưa ra định hướng trong các bài học tiếp theo |
| §4 | Tia | 2 | * Biết khái niệm tia, hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau. * Biết vẽ tia. Biết phân lọai hai tia chung gốc. Nhận biết được 1 tia trong hình vẽ. * Nhận biết được hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau, vẽ được tia. |
|
| §5 | Góc | 4 | * Phát biểu được khái niệm góc. * Nhận biết được điểm nằm trong góc, điểm không nằm trong góc. * Nhận biết khái niệm số đo góc. * Phát biểu và hiểu được các bước để vẽ một góc khi biết số đo. * Nhận biết được hai góc bằng nhau, góc lớn hơn, góc bé hơn. * Nhận biết các loại góc: góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt. * Giúp HS củng cố lại các kiến thức liên quan đến góc, cách đo góc, vẽ góc. * Củng cố các kiến thức về góc nhọn, góc vuông, góc tù, góc bẹt. |
|
|
|  | Bài tập cuối chương VI | 2 | * Hệ thống lại các kiến thức đã học trong chương về tia, góc và các kiến thức liên quan   Vận dụng các kiến thức để giải các bài tập hình học và các bài toán thực tế. |
|  | Kiểm tra kì II | 1 | Vận dụng kiến thức, kĩ năng để làm các bài tập liên quan   * Đánh giá năng lực, phẩm chất của học sinh.   Điều chỉnh phương pháp, kĩ thuật dạy học của giáo viên |
|  | HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM  Chủ đề 3. Sắp xếp thành các vị trí thẳng hàng | 3 | –Nhận biết được một số hình ảnh về sắp xếp thẳng hàng trong thực tiễn cuộc sống;  –Nêu được một số hình ảnh về sắp xếp thẳng hàng;  –Nhận biết được ý nghĩa về sắp xếp thẳng hàng như: giải thích một số hiện tượng trong khoa học; Nghệ thuật, Kiến trúc; đảm bảo tính công bằng trong cuộc sống. |
|  | **Thư viện :** | 1 | Giải ô chữ - Đố vui về sách |

**2. Chuyên đề lựa chọn: Không**

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa Học kỳ 1 | 90’ | Tuần 9 | Kiểm tra các yêu cầu cần đạt của các bài học từ số thứ tự 1 đến 13 | Trắc nghiệm, tự luận |
| Cuối Học kỳ 1 | 90’ | Tuần 17 | Kiểm tra các yêu cầu cần đạt của các bài học từ số thứ tự 16 đến 28 | Trắc nghiệm, tự luận |
| Giữa Học kỳ 2 | 90’’ | Tuần 27 | Kiểm tra các yêu cầu cần đạt của các bài học từ số thứ tự 31 đến 40 | Trắc nghiệm, tự luận |
| Cuối Học kỳ 2 | 90’ | Tuần 33 | Kiểm tra các yêu cầu cần đạt của các bài học từ số thứ tự 44 đến 53 | Trắc nghiệm, tự luận |

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

1. **Bồi dưỡng học sinh giỏi**
2. **Giúp đỡ học sinh yếu**

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **Dương Hoàng Chiến** | *Sơn Đà, ngày 20 tháng 8 năm 2023*  **HIỆU TRƯỞNG** |